



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

Assessing the Impact of Administrative Reform on Investment Environment and Economic Development in Vietnam

Phan Thi Thanh Thuy*

Vietnam Japan University, Hoa Lac, Thach That District, Ha Noi, Vietnam

Received 6th May 2025

Revised 12th June 2025; Accepted 30th June 2025

Abstract: In theory and in many countries' practical experience, administrative reform has a dialectical relationship with socio-economic development. Recognizing this close interrelation, since 2001, Vietnam has gradually implemented comprehensive and profound administrative reforms. Currently, Vietnam is in the third phase of administrative reform (2021-2030), which encompasses six major reform areas and focuses on institutional improvement, organizational restructuring, civil service, public finance reforms, and administrative modernization. This study will analyze the impact of Vietnam's administrative reform on the investment environment and economic development. It also evaluates existing limitations and proposes recommendations for further reforms with the aim of fostering a good investment climate and enhancing socio-economic growth in Vietnam.

Keywords: Administrative reform, investment, economic development.

* Corresponding author.

E-mail address: ptt.thuy@vju.ac.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4780>

Tác động của cải cách hành chính đến môi trường đầu tư và phát triển kinh tế tại Việt Nam

Phan Thị Thanh Thủy*

*Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
Khu Đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội, Hoà Lạc, Thạch Thất, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 6 tháng 05 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 12 tháng 6 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 30 tháng 6 năm 2025

Tóm tắt: Trên lý thuyết và trong thực tiễn của nhiều quốc gia, cải cách hành chính có tác động biện chứng với sự phát triển của nền kinh tế-xã hội. Nhận thức được mối tương quan sâu sắc này, ngay từ năm 2001, Việt Nam đã và đang từng bước tiến hành cải cách hành chính sâu rộng và toàn diện; tới nay đang thực hiện đến giai đoạn thứ ba (2021 - 2030) với sáu nội dung cải cách lớn, tập trung vào thể chế, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ công chức, tài chính công và hiện đại hóa nền hành chính. Bài viết này tập trung phân tích những tác động của công cuộc cải cách hành chính Việt Nam đối với môi trường đầu tư và phát triển kinh tế ở Việt Nam. Từ đó, bài viết cũng đưa ra các đánh giá về những hạn chế cần khắc phục và đề xuất những giải pháp đẩy mạnh cải cách hành chính để tạo dựng môi trường đầu tư lành mạnh và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội ở Việt Nam.

Từ khóa: Cải cách hành chính, đầu tư, phát triển kinh tế.

1. Đề dẫn

Từ đầu những năm 2000, cải cách hành chính (CCHC) đã được xem là một trong những động lực quan trọng nhất thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội ở Việt Nam. Tại các văn kiện của Đảng và chiến lược phát triển đất nước của Nhà nước, CCHC luôn được nhấn mạnh như một giải pháp đột phá nhằm xây dựng nền hành chính nhà nước hiệu lực, hiệu quả, tạo môi trường thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp [1]. Đặc biệt, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng vào kinh tế thế giới và định hướng trở thành nước phát triển vào giữa thế kỷ XXI, việc cải thiện môi trường đầu tư để phát triển kinh tế thông qua CCHC toàn diện càng có ý nghĩa sống còn. CCHC không chỉ giúp hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, nâng cao hiệu quả quản trị công, mà còn trực tiếp tác động

đến niềm tin và ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp, cả trong và ngoài nước [2].

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mối quan hệ mật thiết giữa chất lượng quản trị hành chính với sức hấp dẫn đầu tư và tăng trưởng kinh tế. Một nền hành chính công minh bạch, thủ tục rõ ràng sẽ hạn chế tham nhũng, giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và thu hút nguồn vốn đầu tư cho phát triển [2]. Các nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (WB Vietnam) cho thấy những địa phương có môi trường hành chính minh bạch, thủ tục nhanh gọn thường có tỷ lệ doanh nghiệp thành lập mới cao hơn và thu hút được nhiều dự án đầu tư hơn. Ngược lại, những địa phương có những bất cập trong thực thi pháp luật như quan liêu, nhũng nhiễu sẽ làm nản lòng nhà đầu tư; khiến chính sách từ trung ương bị vô hiệu hóa ở khâu thực hiện. Điều này cho thấy

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: ptt.thuy@vju.ac.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4780>

CCHC có vai trò quan trọng trong việc biến các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế-xã hội thành kết quả cụ thể [3].

Trong bài nghiên cứu này, các nội dung của CCHC và mối quan hệ, tác động của chúng đối với thu hút đầu tư, phát triển kinh tế ở Việt Nam sẽ được phân tích một cách có hệ thống cả trên phương diện lý luận và thực tiễn trong giai đoạn 10 năm, từ 2015 đến nay. Đây là khoảng thời gian điển hình, có sự kết nối hai giai đoạn CCHC 2011 - 2020 và 2021 - 2030 và đủ dài để đánh giá được những thành tựu cơ bản cũng như những tồn đọng cần khắc phục của CCHC ở Việt Nam. Từ đó, bài viết sẽ chỉ ra những điểm mạnh và các tác động tích cực của CCHC đến sự phát triển kinh tế-xã hội ở Việt Nam, cũng như những tồn đọng, cần tiếp tục khắc phục. Cuối cùng, bài viết sẽ đề xuất một số kiến nghị và giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh và phát huy hơn nữa vai trò của CCHC trong thu hút đầu tư và phát triển kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

2. Cơ sở lý luận và thực tiễn về tác động tương hỗ của cải cách hành chính đối với thu hút đầu tư, phát triển kinh tế

2.1. Khái niệm và phạm vi cải cách hành chính ở Việt Nam

CCHC nhà nước được hiểu là quá trình đổi mới toàn diện, đồng bộ hệ thống hành chính quốc gia trên các mặt: thể chế, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ công chức, tài chính công và hiện đại hóa nền hành chính, nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả để phục vụ nhân dân và phát triển đất nước. Để các kết quả phát huy được lâu dài, bền vững, CCHC phải có lộ trình cụ thể và được tiến hành liên tục [1]. Từ năm 2001 đến nay, công cuộc CCHC của Việt Nam đã được thực hiện trên 20 năm, trong ba giai đoạn liên tiếp, bao gồm: Giai đoạn 2001 - 2010 theo Quyết định số 136/2001/QĐ-TTg ngày 17/9/2001, giai đoạn 2011-2020 theo Nghị quyết số 30/NQ-CP và giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021.

Theo Nghị quyết số 76/NQ-CP/2021, Chương trình tổng thể CCHC tập trung vào sáu nội dung chủ yếu: 1) Cải cách thể chế; 2) Cải cách thủ tục hành chính (TTHC); 3) Cải cách tổ chức bộ máy hành chính; 4) Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (cải cách chế độ công vụ); 5) Cải cách tài chính công; 6) Hiện đại hóa hành chính (xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số) [4]. Đây cũng chính là những lĩnh vực được kỳ vọng sẽ tác động tích cực đến môi trường đầu tư và hoạt động kinh tế.

2.2. Cơ sở lý luận về tác động tương hỗ giữa cải cách hành chính và thu hút đầu tư, phát triển kinh tế

Theo lý thuyết kinh tế học thể chế (*New Institutional Economics*) của nhà kinh tế học Hoa Kỳ - Douglas North, chất lượng thể chế và hiệu quả quản trị công có mối tương quan chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế và thu hút đầu tư. Trong những nghiên cứu về quan hệ giữa thể chế và sự phát triển kinh tế của các quốc gia, North đã chỉ ra rằng thể chế tốt (khung pháp luật rõ ràng, thủ tục hành chính minh bạch, bộ máy công quyền hiệu quả) làm giảm chi phí giao dịch và rủi ro cho nhà đầu tư, từ đó khuyến khích các hoạt động đầu tư kinh doanh và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế [5]. Các nghiên cứu của WB Vietnam và AusAid về mối quan hệ giữa thể chế và phát triển kinh tế ở Việt Nam cũng chỉ ra rằng những bất cập về thể chế hỗ trợ nền kinh tế thị trường chính là rào cản lớn nhất mà Việt Nam phải vượt qua để đạt được mục tiêu trở thành nước có thu nhập cao vào giữa thế kỷ 21 [6].

Báo cáo Năng lực cạnh tranh toàn cầu 2023 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) cũng nhấn mạnh sự minh bạch của thủ tục hành chính công là một yếu tố quan trọng để nâng cao niềm tin của nhà đầu tư. Ngược lại, các thủ tục rườm rà, chồng lấn sẽ cản trở hoạt động đầu tư và kìm hãm sự phát triển kinh tế [7]. Do đó, dưới góc độ kinh tế, CCHC - đặc biệt là cải cách thủ tục và cải thiện hiệu quả bộ máy - sẽ giúp giảm chi phí và rủi ro kinh doanh, qua đó kích thích đầu tư và tăng trưởng. Thực tiễn ở Việt Nam từng ghi nhận

nhiều phản ánh từ nhà đầu tư nước ngoài về thủ tục cấp phép phức tạp, thời gian chờ đợi kéo dài hoặc phải chịu “chi phí bôi trơn”- những yếu tố tiêu cực làm giảm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư [7]. Rõ ràng rằng nếu có môi trường hành chính minh bạch, doanh nghiệp dễ tiếp cận thông tin và tuân thủ pháp luật hơn, hạn chế được chi phí không chính thức và rủi ro tham nhũng.

Dưới góc nhìn của lý thuyết quản trị nhà nước và hành chính công, CCHC gắn liền với các nguyên tắc của quản trị tốt (*good governance*) bao gồm: tính minh bạch, trách nhiệm giải trình, hiệu quả, hiệu lực bộ máy và sự tham gia của người dân. Nếu được thực thi nghiêm túc, những nguyên tắc này sẽ tạo nên môi trường quản trị thuận lợi cho phát triển kinh tế [8, 9]. Thừa nhận sự tác động biện chứng của quản trị tốt với sự phát triển của nền kinh tế, các quan chức cấp cao của Chính phủ Việt Nam khẳng định rằng: *Thứ nhất*, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong thủ tục hành chính làm giảm cơ hội và động cơ tham nhũng, những nhiễu, giúp doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công bằng một cách công bằng và dự liệu được kết quả. *Thứ hai*, bộ máy hành chính tinh gọn, phân cấp hợp lý giúp quyết định hành chính được đưa ra nhanh hơn, gần với thực tiễn hơn; nhờ đó doanh nghiệp được giảm các thủ tục hành chính nhiều cửa, làm tăng tốc độ triển khai dự án đầu tư. *Thứ ba*, đội ngũ công chức chuyên nghiệp, tận tụy sẽ nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công và mức độ hài lòng của nhà đầu tư và người dân, tạo tâm lý tin tưởng để doanh nghiệp mở rộng hoạt động [1].

Lý thuyết về quản trị công mới (*New Public Management*) cũng chỉ ra rằng việc áp dụng các phương thức quản lý hiệu quả của khu vực tư vào khu vực công (ví dụ: nhấn mạnh kết quả, cắt giảm thủ tục nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin) sẽ nâng cao hiệu suất của chính phủ và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi hơn [10].

2.3. Khung pháp lý và chính sách của Việt Nam về cải cách hành chính nhằm thu hút đầu tư và hỗ trợ phát triển kinh tế

Nhận thức rõ mối liên hệ chặt chẽ giữa CCHC và phát triển kinh tế, Đảng và Nhà nước đã ban

hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm đẩy mạnh CCHC, gắn với cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Đại hội Đảng lần thứ XII (2016) và Đại hội Đảng lần thứ XIII (2021) đều khẳng định xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, kiến tạo phát triển là mục tiêu chiến lược đến 2030. Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 3/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân cũng đặt mục tiêu đến 2025 có 1,5 triệu doanh nghiệp, coi kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế. Để đạt mục tiêu này, Đảng xác định phải cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính, xóa bỏ rào cản cho doanh nghiệp. Theo đó, Nghị quyết 18 - NQ/TW về tinh giản bộ máy, Nghị quyết 19 - NQ/TW về đơn vị sự nghiệp công lập và Nghị quyết 26 - NQ/TW về công tác cán bộ và Nghị quyết 66 - NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đề ra các định hướng quan trọng để cải cách tổ chức bộ máy và chế độ công vụ, qua đó nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật và quản lý nhà nước, gián tiếp tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư phát triển. Để “bảo vệ quyền tài sản hợp pháp, quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp; đảm bảo tính ổn định, nhất quán, dự đoán được của chính sách pháp luật”- những yếu tố then chốt để thu hút đầu tư lâu dài. Mới đây, Bộ chính trị đã ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 (NQ 68 - NQ/TW) về phát triển kinh tế tư nhân, khẳng định xóa bỏ những điểm nghẽn thể chế, tạo động lực cho kinh tế tư nhân phát triển.

Tác động tích cực của CCHC đối với thu hút đầu tư và phát triển kinh tế đã được minh chứng qua nhiều chỉ số và nghiên cứu. Báo cáo *Doing Business* của Ngân hàng Thế giới (WB) đã ghi nhận Việt Nam liên tục cải thiện thứ hạng môi trường kinh doanh nhờ các nỗ lực CCHC từ năm 2020 đến nay. Theo đó trong vòng 05 năm thực hiện CCHC, Việt Nam đã vươn lên 20 bậc từ vị trí 90/170 năm 2015, đến vị trí 70/190 nền kinh tế năm 2020. Về thu hút vốn đầu tư cũng có sự tiến bộ vượt bậc, năm 2015 đạt 22,76 tỷ USD (tăng 12,5% so với năm 2014), năm 2019 đạt khoảng 38 tỷ USD (cao nhất trong 10 năm trở

lại); năm 2024, Việt Nam thu hút 28,5 tỷ USD vốn FDI (tăng 10,5% so với năm 2023). Theo báo cáo Dòng chảy pháp luật kinh doanh 2024 của VCCI, trong vòng 5 năm gần đây, có sự chuyển biến tích cực trong thu hút FDI ở Việt Nam [11, 12]. Tương ứng với sự cải thiện môi trường kinh doanh, số lượng doanh nghiệp thuộc khu vực tư nhân trong nước cũng tăng nhanh. Sự gia tăng từ khoảng 515.000 doanh nghiệp năm 2017 tiến tới gần mốc 1 triệu doanh nghiệp vào năm 2023 chứng minh rằng dưới tác động của CCHC, môi trường kinh doanh ngày càng thuận lợi hơn, khuyến khích khởi nghiệp và mở rộng sản xuất kinh doanh [13].

Tuy vậy, cần nhìn nhận rằng mối liên hệ giữa CCHC và phát triển kinh tế không phải lúc nào cũng tự động và tuyệt đối. CCHC chỉ phát huy hiệu quả thúc đẩy đầu tư khi được triển khai thực chất, đồng bộ và có cơ chế giám sát thực thi nghiêm minh. Nếu cải cách chỉ dừng ở khẩu hiệu hoặc thực hiện nửa vời, hoặc dễ xảy ra tình trạng “trên trái thơm, dưới rải đinh” (chính sách thông thoáng nhưng khâu thực hiện có nhiều những nhiễu), môi trường đầu tư vẫn có thể bị ảnh hưởng tiêu cực [14]. Do đó, đòi hỏi đặt ra là phải liên tục theo dõi, đánh giá kết quả CCHC và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp [15], từ đó có điều chỉnh kịp thời. Có thể thấy, mối quan hệ giữa CCHC và thu hút đầu tư, phát triển kinh tế là quan hệ hai chiều mang tính chất tương hỗ: cải cách tốt sẽ thúc đẩy kinh tế, và ngược lại, yêu cầu phát triển kinh tế đặt ra áp lực buộc hành chính công phải tiếp tục cải cách để thích ứng.

3. Thực tiễn cải cách hành chính ở Việt Nam từ 2015 đến nay và tác động đến thu hút đầu tư, phát triển kinh tế

3.1. Cải cách thể chế

Cải cách thể chế được xác định là trọng tâm hàng đầu của CCHC nhiều năm qua. Thể chế ở đây bao gồm hệ thống pháp luật về quản lý kinh tế - xã hội và tổ chức, hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước. Giai đoạn 2016 - 2024 đã chứng kiến nhiều nỗ lực hoàn thiện thể chế kinh tế thị

trường và thể chế hành chính, tạo khung pháp lý thông thoáng, ổn định hơn cho hoạt động đầu tư kinh doanh.

Đối với thể chế kinh tế, Quốc hội và Chính phủ đã tập trung xây dựng và ban hành số lượng lớn các luật, pháp lệnh, nghị định nhằm cụ thể hóa Hiến pháp 2013 và các chủ trương đổi mới. Nhiều đạo luật quan trọng liên quan trực tiếp đến môi trường đầu tư đã được sửa đổi, bổ sung theo hướng thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, bao gồm Luật Đầu tư năm 2014, 2020 mở rộng ngành nghề được tự do đầu tư, đơn giản hóa thủ tục cấp phép; Luật Doanh nghiệp năm 2014, 2020 cắt giảm điều kiện gia nhập thị trường, bảo vệ chặt chẽ hơn quyền cổ đông; Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; Luật Cạnh tranh năm 2018;... đã thiết lập hành lang pháp lý phù hợp với vị thế thị trường của doanh nghiệp. Song song, các quy định pháp luật về đất đai, xây dựng, môi trường - những lĩnh vực ảnh hưởng lớn tới dự án đầu tư như Luật Chứng khoán năm 2019, Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản... được ban hành mới vào năm 2024 để tháo gỡ các điểm nghẽn trong thể chế thị trường. Nhìn chung, khung khổ pháp luật kinh doanh được mở rộng và cải thiện, chất lượng xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày càng được nâng cao, đảm bảo tính công khai, minh bạch và tính thống nhất của hệ thống pháp luật: góp phần hình thành khung khổ thể chế kinh tế thị trường toàn diện và hiện đại hơn, đáp ứng yêu cầu hội nhập và tương thích với các cam kết của Chính phủ Việt Nam trong các hiệp định thương mại quốc tế như CPTPP, EVFTA, RCEP,...

Về thể chế hành chính, nhiều VNQPPL được ban hành nhằm kiện toàn tổ chức bộ máy và chế độ công vụ, đồng thời pháp luật về quan hệ giữa cơ quan hành chính và người dân, doanh nghiệp cũng được hoàn thiện theo hướng “*kiến tạo, phục vụ*”. Chẳng hạn, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) bổ sung quy trình tham vấn ý kiến đối tượng chịu tác động, giúp tiếng nói doanh nghiệp được lắng nghe khi xây dựng chính sách. Luật Tiếp cận thông tin năm 2016 và Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 tăng cường minh bạch, công khai trong hoạt động công quyền.

Các nghị định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông giải quyết TTHC như Nghị định 61/2018/NĐ-CP, Nghị định 107/2021/NĐ-CP đã tạo cơ sở pháp lý thống nhất để các địa phương lập các trung tâm phục vụ hành chính công giúp người dân, doanh nghiệp giao dịch thuận tiện hơn.

Có thể thấy khung thể chế hoàn thiện và đồng bộ là tiền đề quan trọng để thu hút các nguồn lực đầu tư ở Việt Nam vì các lý do sau: 1) Hệ thống pháp luật kinh doanh và các quy định pháp luật có liên quan rõ ràng, ổn định giúp nhà đầu tư yên tâm triển khai dự án dài hạn, giảm thiểu rủi ro chính sách. Theo Báo cáo Môi trường kinh doanh 2020 của WB, điểm số pháp lý về bảo vệ nhà đầu tư thiếu số của Việt Nam được cải thiện đáng kể sau khi Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019 mới có hiệu lực, phản ánh môi trường pháp lý kinh doanh an toàn hơn [16] và 2) Môi trường vĩ mô ổn định, an toàn là yếu tố hàng đầu mà các nhà đầu tư quan tâm. Các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp như Nghị quyết 35/2016/NQ-CP, Luật Hỗ trợ DNNVV 2017,... khuôn khổ thể chế mới đã trực tiếp góp phần tăng thu hút vốn đầu tư, giúp Việt Nam duy trì vị thế là điểm đến hấp dẫn của FDI trong khu vực [17].

3.2. Cải cách thủ tục hành chính

Cải cách TTHC là lĩnh vực được coi là “khâu đột phá” và được triển khai mạnh mẽ ở tất cả các cấp chính quyền trong thời gian qua. Mục tiêu trọng tâm là đơn giản hóa, cắt giảm tối đa các thủ tục rườm rà, chồng chéo, gây tốn kém thời gian và chi phí cho người dân, doanh nghiệp; xây dựng quy trình thủ tục công khai, minh bạch, thuận tiện, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

Từ năm 2016 đến nay, Chính phủ đã liên tục chỉ đạo rà soát, đơn giản hóa TTHC trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước. Giai đoạn 2016 - 2020, Chính phủ cũng ban hành các Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP yêu cầu các bộ, ngành cải thiện xếp hạng môi trường kinh doanh trên các chỉ tiêu cụ thể như rút ngắn thời gian đăng ký doanh nghiệp, cấp phép xây

dựng, tiếp cận điện, đăng ký tài sản, xuất nhập khẩu, nộp thuế, giải quyết phá sản.... Tiếp theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 đã đặt ra mục tiêu cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và 20% chi phí tuân thủ đối với các quy định về kinh doanh hiện hành trong giai đoạn 2020 - 2025, được đánh giá là có phạm vi bao phủ rộng nhất từ trước tới nay [18]. Nhờ các nỗ lực này, hàng ngàn thủ tục và điều kiện kinh doanh bất hợp lý đã được loại bỏ. Riêng lĩnh vực đầu tư, kinh doanh, sau khi thực thi các cải cách theo Nghị quyết số 68/NQ-CP, thời gian xử lý hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã giảm từ 10 ngày xuống còn 5 ngày, giúp tiết kiệm thời gian và hàng trăm tỉ đồng chi phí mỗi năm cho cộng đồng doanh nghiệp [2]. Tại các địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cũng hủy bỏ những TTHC không cần thiết và công bố công khai các thủ tục mới, cơ chế một cửa liên thông được thiết lập, tập trung tại Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh để tiếp nhận và trả kết quả TTHC một cách nhanh chóng, thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp [19].

Đáng chú ý, *môi trường thủ tục hành chính thông thoáng đã trở thành lợi thế cạnh tranh thu hút FDI*. Các nghiên cứu và khảo sát đã chứng minh rằng cải cách hành chính mạnh mẽ tại địa phương có tác động đáng kể đến quyết định của nhà đầu tư. Những năm gần đây, Việt Nam được đánh giá tích cực nhờ liên tục cải cách TTHC. Theo Cục Đầu tư nước ngoài (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước đây, nay là Bộ Tài chính), vào năm 2024 Việt Nam thu hút 28,5 tỷ USD vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) (tăng 10,5%), và khảo sát cho thấy 70% nhà đầu tư đánh giá cao nỗ lực cải cách TTHC của Việt Nam [20]. Ở các tỉnh nhiều năm dẫn đầu về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) như Quảng Ninh, Bắc Ninh, Long An,... thu hút lượng lớn vốn FDI và dự án mới cao hơn hẳn so với những tỉnh có chỉ số PCI thấp. Ngược lại, các tỉnh có chỉ số PCI thấp thường kém hấp dẫn nhà đầu tư [21].

3.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Cải cách tổ chức bộ máy hành chính hướng đến xây dựng một bộ máy tinh gọn, hợp lý, phân

cấp rõ ràng và hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Từ năm 2016 đến nay, công cuộc cải cách tổ chức bộ máy nhà nước đã đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng: giảm một số lượng đáng kể các đầu mối quản lý ở trung ương và ở địa phương. Ở cấp trung ương, cơ cấu Chính phủ khóa XIV (2016 - 2021) được kiện toàn theo hướng giảm số lượng cơ quan ngang bộ và đầu mối bên trong; duy trì 18 bộ và 4 cơ quan ngang bộ. Nhiều tổng cục, cục vụ tại các bộ được sáp nhập hoặc giải thể để giảm khâu trung gian. Tương tự, ở địa phương, hệ thống các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện được sắp xếp lại.

Chính phủ cũng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền. Nhiều lĩnh vực trước đây tập trung thì nay đã giao địa phương quyết định như: phê duyệt chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C; phê duyệt quy hoạch tỉnh; quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế; quản lý một số ngành nghề kinh doanh có điều kiện,... Nhờ đó, nhiều thủ tục đầu tư trước kia phải xin ý kiến bộ ngành nay có thể giải quyết nhanh tại tỉnh, rút ngắn thời gian cho doanh nghiệp. Đi cùng phân cấp là *tinh giản biên chế*. Giai đoạn 2015 - 2021, toàn quốc đã tinh giản trên 10% biên chế công chức, viên chức so với năm 2015, tương đương cắt giảm hàng vạn người hưởng lương ngân sách. Mục tiêu đến năm 2030 tiếp tục tinh giản tối thiểu 10% biên chế nữa. Cuối năm 2024 và đầu năm 2025, Bộ Chính trị và BCH TW Đảng đã quyết liệt chỉ đạo Chính phủ đẩy nhanh tốc độ thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW năm 2017 về sắp xếp tinh gọn bộ máy nhà nước để tăng tốc độ cải cách thể chế, cải cách bộ máy hành chính.

Theo Nghị quyết 176/2025/QH15 của Quốc hội ngày 18/2/2025 về cơ cấu tổ chức của Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa 15, ở cấp trung ương, chỉ còn 14 bộ và 03 cơ quan ngang bộ; Tại địa phương, theo Nghị quyết số 125/NQ-CP và Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 9/5/2025 ban hành các đề án sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã, đến ngày 01/7/2025, trên cả nước chỉ còn 34 đơn vị hành chính cấp tỉnh gồm 28 tỉnh và 6 thành phố trực thuộc trung ương; đơn vị hành chính cấp huyện sẽ bị xóa bỏ hoàn toàn, chính quyền địa phương chỉ còn 02 cấp là cấp tỉnh và cấp xã [22].

Tinh gọn bộ máy sẽ giúp cắt ngắn thời gian làm thủ tục phê duyệt dự án, giảm chi phí cho nhà đầu tư do ít tầng nấc trung gian hơn; mặt khác làm rõ, nâng cao trách nhiệm của cơ quan hữu trách. Ngoài ra, nó còn gắn liền với nâng cao chất lượng phục vụ thông qua việc loại bỏ những người không đáp ứng yêu cầu và giảm chi thường xuyên, tiết kiệm nguồn lực ngân sách. Theo ước tính của Bộ Nội vụ, sau khi thực hiện xong sáp nhập đơn vị hành chính từ 63 xuống còn 34 tỉnh, thành vào ngày 01/7/2025, cả nước sẽ giảm 18.449 biên chế cấp tỉnh, 110.786 biên chế cấp xã và 120.500 người hoạt động không chuyên trách cấp xã; giúp tiết kiệm một khoản ngân sách khổng lồ chỉ cho việc trả lương để chuyển sang đầu tư công [23].

Mặc dù cải cách bộ máy hành chính tác động gián tiếp đến môi trường đầu tư nhưng sẽ tạo ra những thay đổi sâu sắc trong thu hút đầu tư và phát triển kinh tế. Bộ máy tinh gọn giúp giảm bớt thủ tục hành chính nội bộ, tăng tốc độ xử lý công việc, cải thiện sự phối hợp liên ngành. Khi các khâu trung gian được cắt giảm, các quyết định hành chính phê duyệt dự án, cấp giấy phép đầu tư sẽ đến tay nhà đầu tư nhanh hơn, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm giữa các bộ ngành và các cơ quan tương ứng cấp tỉnh. Việc phân cấp gắn với phân quyền sẽ làm tăng trách nhiệm, tính năng động, sáng tạo của chính quyền địa phương - một yếu tố có tương quan tích cực tới thu hút FDI [21]. Thêm vào đó, bộ máy gọn nhẹ và hiệu quả góp phần giảm chi phí công và cải thiện cân đối ngân sách, qua đó Nhà nước có thêm nguồn lực tài chính để đầu tư hạ tầng và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp.

3.4. Cải cách chế độ công vụ (xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức)

Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) là chủ thể trực tiếp thực thi công vụ, quyết định chất lượng dịch vụ hành chính cung cấp cho người dân và doanh nghiệp. Vì vậy, cải cách chế độ công vụ - công chức được Đảng và Nhà nước xác định là một nội dung trọng yếu của CCHC.

Thực hiện CCHC, thể chế quản lý công

chức, viên chức đã có những chuyển biến đáng kể. Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và Luật Viên chức năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) đã có nhiều thay đổi quan trọng để nâng cao tính cạnh tranh và hiệu suất làm việc trong khu vực công như: chuyển dần chế độ “viên chức suốt đời” sang hợp đồng có thời hạn, cắt giảm nhiều loại chứng chỉ hành chính không cần thiết; thực hiện bổ nhiệm, bố trí công chức theo vị trí việc làm và năng lực thay vì theo bằng cấp hay thâm niên. Các nỗ lực CCHC đã làm chất lượng dịch vụ công chuyển biến tích cực trên thực tế. Theo VCCI, chỉ số thành phần về “tính chuyên nghiệp, thái độ phục vụ của công chức” tăng lên cho thấy xu hướng cải thiện chất lượng phục vụ doanh nghiệp ở nhiều địa phương từ 2016 đến 2024 [1, 12].

Mặt khác, cải cách công vụ giúp môi trường kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh hơn khi đội ngũ công chức được tuyển dụng minh bạch, thực tài họ sẽ thực thi công vụ một cách liêm chính, không đòi hỏi các “tiêu cực phí” để “bôi trơn” thủ tục. Theo diễn biến của chỉ số PCI, hiện tượng phải chi “*phí bôi trơn*” đã giảm dần trong năm năm gần đây đã phản ánh hiệu ứng từ nỗ lực chấn chỉnh kỷ luật công vụ và chống tham nhũng [24].

3.5. Cải cách tài chính công

Cải cách tài chính công tập trung vào việc đổi mới cơ chế quản lý ngân sách nhà nước, quản lý chi tiêu công, quản lý doanh nghiệp nhà nước (DNNN) và các nguồn lực tài chính công khác, nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực, thúc đẩy phát triển kinh tế và bảo đảm an ninh tài chính quốc gia. Giai đoạn 2016 đến nay, Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng kể trong lĩnh vực này thông qua giảm bội chi ngân sách nhà nước, tạo dư địa tài khóa và củng cố niềm tin vĩ mô cho nhà đầu tư [25]. Kết quả này giúp Việt Nam giữ mức xếp hạng tín nhiệm ổn định, lãi suất vay nợ nước ngoài và rủi ro tài chính quốc gia xuống thấp hơn.

Đồng thời, cơ cấu chi ngân sách nhà nước có sự chuyển dịch tích cực: tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên [26]. Điều này

đã tạo ra nguồn ngân sách mới cho tăng chi đầu tư phát triển, đặc biệt cho hạ tầng, giúp cải thiện điều kiện logistics, kết nối - những yếu tố mà nhà đầu tư rất coi trọng. Việc cải cách cơ chế quản lý ngân sách cũng đã đem lại kết quả tích cực. Việc lập kế hoạch tài chính - ngân sách trung hạn 5 năm và 3 năm theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (áp dụng từ năm ngân sách 2017) giúp dự báo và phân bổ nguồn lực chủ động hơn so với trước.

Bên cạnh những cải cách về quản lý ngân sách nhà nước, để huy động nguồn vốn xã hội vào khu vực doanh nghiệp, tăng năng lực cạnh tranh cho nền kinh tế, Chính phủ đã đẩy mạnh cổ phần hóa DNNN, thoái vốn nhà nước ra khỏi doanh nghiệp. Giai đoạn 2016 - 2020, có 180 DNNN được cổ phần hóa và thoái vốn ra khỏi hàng trăm doanh nghiệp trong các lĩnh vực không thiết yếu đã đem về cho ngân sách hơn 220.000 tỷ đồng [27]. Nhà nước cũng tuân thủ nguyên tắc thị trường hơn trong quan hệ tín dụng, chấm dứt bảo lãnh chính phủ cho DNNN vay nợ, giảm gánh nặng nợ công. Các lĩnh vực dịch vụ công (y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao) cũng được đẩy mạnh xã hội hóa để có thêm nhiều bệnh viện tư, trường tư, khu du lịch, ... để người dân có nhiều lựa chọn, nhà nước giảm bao cấp.

Trong khu vực sự nghiệp, Chính phủ triển khai rộng rãi cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, cho phép đơn vị sự nghiệp tăng quyền tự chủ thu chi, quyết định giá dịch vụ, trả lương theo hiệu quả để làm giảm gánh nặng ngân sách. Việc áp dụng cơ chế khoán chi, đấu thầu, đặt hàng cung ứng dịch vụ công cũng được mở rộng, tạo thị trường cạnh tranh lành mạnh hơn.

Cải cách tài chính công mang lại môi trường kinh tế vĩ mô ổn định và chính sách tài khóa lành mạnh, tạo niềm tin cho nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bội chi, lạm phát được duy trì ở mức thấp, tỷ giá ổn định đã giữ chân nhiều nhà đầu tư, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất dài hạn. Các tổ chức xếp hạng tín nhiệm (Moody's, S&P) đều nâng triển vọng của Việt Nam nhờ thành quả củng cố tài khóa và nợ công, giúp Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam vay vốn quốc tế với chi phí thấp hơn [28]. Bên cạnh đó, thị trường chứng

khoản Việt Nam cũng phát triển mạnh mẽ (chỉ số VN-Index tăng gấp đôi từ 2016 đến 2021), trở thành kênh huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp tư nhân, giảm phụ thuộc vốn ngân hàng.

Cải cách tài chính công còn giảm gánh nặng thuế, phí cho doanh nghiệp theo hướng công bằng, khuyến khích kinh doanh. Thuế suất thu nhập doanh nghiệp đã giảm về 20%; nhiều loại phí, lệ phí không cần thiết được bãi bỏ. Gần đây nhất, Quốc hội khóa XV đã thông qua nghị quyết về giảm thuế VAT để kích thích sản xuất kinh doanh [29]. Chiến lược thuế giai đoạn 2021 - 2030 hướng tới mở rộng lĩnh vực thu thuế (thương mại điện tử, kinh tế số) nhưng đảm bảo sự công bằng và ổn định chính sách thuế 5 năm giúp doanh nghiệp yên tâm lập kế hoạch dài hạn.

3.6. Xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số

Hiện đại hóa nền hành chính với trọng tâm là xây dựng chính phủ điện tử (CPĐT) hướng tới chính phủ số (CPS), được xác định là một nội dung then chốt và phải được tiến hành lồng ghép, đồng bộ trong tất cả các nội dung của CCHC ở Việt Nam. Theo Quyết định số 942/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, đặt mục tiêu đến 2030 cung cấp dịch vụ số chất lượng cao phục vụ người dân, doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi. Theo đó, chiến lược này đặt ra 04 mục tiêu lớn, bao gồm: 1) Nâng cao năng lực quản lý điều hành và xử lý hiệu quả công việc của chính phủ thông qua hoạt động trên cơ sở dữ liệu, dựa vào dữ liệu để ra quyết định với sự hỗ trợ của các công nghệ tử (điện toán đám mây, internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo; 2) Hướng tới đảm bảo cung ứng 100% dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4 - các thủ tục hành chính sẽ hoàn toàn được thực hiện qua môi trường internet; 3) CPS có vai trò đầu tàu dẫn dắt xây dựng kinh tế số, xã hội số, thúc đẩy phát triển mọi mặt của đời sống xã hội; 4) Đem lại sự minh bạch cho hệ thống chính quyền thông qua việc trao cho công dân quyền truy cập dữ liệu thông qua hệ thống dữ liệu mở của Chính phủ và các cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương [30].

Từ mục tiêu xây dựng CPĐT, CPS ở cấp quốc gia, hiện tại nhiều hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) quan trọng đã được triển khai ở Việt Nam. Cổng Dịch vụ công Quốc gia vận hành từ cuối 2019 cung cấp đến nay trên 4.200 dịch vụ công trực tuyến mức 3, 4; tích hợp 21/25 dịch vụ công thiết yếu như dịch vụ đăng ký khai sinh, cấp thẻ BHYT, đổi GPLX,... Các CSDL quốc gia như CSDL về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, bảo hiểm,... dần được xây dựng và kết nối dùng chung, làm nền tảng cho việc khai thác, chia sẻ dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp. Các dịch vụ thiết yếu như khai thuế, nộp thuế, thông quan hải quan, đăng ký kinh doanh,... hầu hết đã thực hiện trực tuyến và liên thông với nhau, góp phần tiết kiệm đáng kể thời gian, công sức và tài chính cho người dân và doanh nghiệp [31]. Đặc biệt, CPĐT góp phần giảm tiếp xúc trực tiếp giữa doanh nghiệp và công chức, từ đó giảm đáng kể nguy cơ tiêu cực, nhũng nhiễu. [32]. Như vậy, CPĐT tạo ra môi trường bình đẳng, công khai và minh bạch hơn cho các nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài vốn e ngại thủ tục phức tạp và tham nhũng vặt [33].

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức trong xây dựng CPĐT, CPS ở Việt Nam, chẳng hạn chất lượng hạ tầng internet, mức độ ứng dụng CNTT không đồng đều, cơ sở dữ liệu các bộ ngành, giữa cơ quan hành chính các cấp đôi khi kết nối chưa liên thông; doanh nghiệp vẫn phải nộp cùng một thông tin cho nhiều cơ quan khác nhau khi làm thủ tục thuế, bảo hiểm, thông kê,... Việc chậm hiện đại hóa TTHC cũng góp phần tạo ra chi phí tuân thủ pháp luật ở mức cao, chiếm tới 20 - 30% lợi nhuận, của doanh nghiệp [34].

4. Một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy cải cách hành chính để thu hút đầu tư và phát triển kinh tế

Mặc dù công cuộc CCHC ở Việt Nam đã đạt được khá nhiều thành tựu như đã đề cập song vẫn còn nhiều tồn tại hạn chế, làm người dân và doanh nghiệp chưa hài lòng. Hạn chế nổi bật là các thủ tục còn phức tạp, chồng chéo, chưa thực sự thông thoáng; việc thực thi pháp luật của bộ

máy hành chính và của đội ngũ CBHC chưa thực sự nghiêm minh [35, 36], thậm chí ở nhiều địa phương CCHC còn chưa thực chất, mang tính phong trào, do đó chưa thực sự hiệu quả và bền vững [12]. Để tiếp tục phát huy vai trò của CCHC trong việc thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, Việt Nam cần đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện các giải pháp cải cách một cách đồng bộ, kiên quyết và toàn diện trong giai đoạn tới. Dưới đây là một số khuyến nghị nhằm tiếp tục phát huy các tác động tích cực của CCHC đến thu hút đầu tư và phát triển kinh tế ở Việt Nam trong bối cảnh hiện tại:

Thứ nhất, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và thể chế hành chính nhà nước theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch. Trọng tâm là xây dựng hệ thống pháp luật kinh doanh “đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, ổn định, dễ tiếp cận”, đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các quan hệ kinh tế - xã hội trong điều kiện hội nhập và cách mạng 4.0. Cần đẩy nhanh tiến độ sửa đổi các luật quan trọng liên quan đến môi trường đầu tư như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư,... để loại bỏ các mâu thuẫn, chồng chéo, tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho doanh nghiệp. Khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới, phải tuân thủ nghiêm quy định đánh giá tác động, tham vấn ý kiến đối tượng chịu tác động, đặc biệt là hiệp hội doanh nghiệp, nhà đầu tư nước ngoài, tránh làm phát sinh thêm thủ tục, giấy phép con, gây cản trở kinh doanh. Bên cạnh đó, cần chú trọng khâu tổ chức thi hành pháp luật; văn bản sau khi ban hành cần được phổ biến rộng rãi, tập huấn cho cán bộ thực thi và hướng dẫn chi tiết cho doanh nghiệp biết cách tuân thủ.

Cũng cần có chế tài xử lý nghiêm các trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền trì hoãn thực thi công vụ, kéo dài việc ban hành văn bản hướng dẫn luật, gây “*khoảng trống pháp lý*” làm đình trệ hoạt động đầu tư. Ví dụ: chậm muộn ban hành nghị định, thông tư hướng dẫn luật nên dự án không triển khai được. Song song, cần tăng cường kiểm tra, giám sát thực thi pháp luật tại địa phương, bảo đảm các chính sách, cải cách từ trung ương thực sự đi vào cuộc sống.

Thứ hai, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung

tâm phục vụ. Để làm được điều này thiết lập cơ chế phản hồi trực tuyến để doanh nghiệp và người dân góp ý về thủ tục và chất lượng công chức và xử lý một cách công khai, nghiêm túc các góp ý. Bên cạnh đó, cần đơn giản hóa triệt để quy trình liên thông giữa các cơ quan để quy trình một cửa thực sự hoạt động hiệu quả. Thực hiện nguyên tắc “một việc - một đầu mối chủ trì”, tránh tình trạng nhiều cơ quan chức năng cùng quản lý một lĩnh vực gây chồng chéo. Cần nghiên cứu cơ chế bồi thường thiệt hại cho doanh nghiệp nếu cơ quan nhà nước trì hoãn cấp phép không có lý do chính đáng, như một cách tạo áp lực giảm tình trạng trì hoãn xử lý hồ sơ.

Thứ ba, tiếp tục cải cách tài chính công kết hợp với mở rộng thực hiện cơ chế tự chủ tài chính và dịch vụ công. Chính phủ cần tiếp tục giữ vững kỷ luật tài khóa, kiểm soát nợ công dưới ngưỡng an toàn theo các mục tiêu Quốc hội đề ra giai đoạn 2021 - 2025 để đảm bảo kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát thấp - yếu tố then chốt với nhà đầu tư lớn. Tài chính công cần được cải thiện theo hướng hiện đại và hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các chính sách thuế phí ổn định và có lộ trình cải cách công khai, minh bạch để doanh nghiệp yên tâm. Hạn chế tối đa việc tăng thu đột ngột gây sốc. Ngoài ra, quyết liệt cải cách quản lý thuế, hải quan, đăng ký tài sản theo hướng tăng mức độ điện tử hóa, kiểm soát rủi ro đi kèm cơ chế hậu kiểm để giảm thủ tục hành chính tiền kiểm và thời gian thực hiện. Đó chính là lợi thế rất lớn để thu hút nhà đầu tư.

Đối với DNNN, cần tiếp tục tiến trình cổ phần hóa, thoái vốn, giảm vốn đầu tư của Nhà nước tại các ngành không cần nắm giữ sẽ tạo dư địa cho khu vực tư nhân phát triển, tăng sức cạnh tranh và đổi mới sáng tạo trong nền kinh tế. Để tránh tình trạng tham nhũng, lợi ích nhóm bào mòn tài sản của Nhà nước cần có quy trình minh bạch và công khai và có sự giám sát chặt chẽ của cơ quan chức năng trong quá trình cổ phần hóa DNNN và thoái vốn nhà nước ở doanh nghiệp.

Thứ tư, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, liêm chính. Đây là yếu tố quyết định sự thành bại của cải cách vì yếu tố con người quyết định chất lượng của nền hành chính.

Cần cải tiến mạnh mẽ công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức theo hướng cập nhật kiến thức quản trị hiện đại, kỹ năng mềm và chấn chỉnh đạo đức công vụ. Năm 2025 được bắt đầu với sự quyết liệt CCHC, tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế - Đây chính là những điều kiện thuận lợi để thực hiện đề án sắp xếp cán bộ, công chức theo vị trí việc làm để đảm bảo bộ máy vận hành hiệu quả, chế độ đãi ngộ phù hợp với khả năng và công việc đảm nhận, thay thế cho chế độ ngạch bậc, thâm niên có tính “cào bằng” tồn tại trong suốt thời gian trước. Để phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm minh các cán bộ, công chức vi phạm pháp luật và kỷ luật công tác cần thiết lập đường dây nóng để người dân và doanh nghiệp tố cáo, phản ánh sai phạm. Bên cạnh đó, để cán bộ, công chức tận tâm làm tốt, cần tạo động lực vật chất và tinh thần để thông qua hệ thống lương và thưởng linh hoạt từ nguồn ngân sách và phí, lệ phí thu được trong hoạt động nhưng phải có quy định, tiêu chí rõ ràng, công khai và minh bạch.

Thứ năm, tăng tốc xây dựng CPĐT, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước. Chính phủ cần chú trọng tích hợp, kết nối các hệ thống, không cho phép “vùng cát cứ dữ liệu” ở mỗi bộ, ngành. Cần sớm hoàn thành các CSDL quốc gia cốt lõi (đất đai, doanh nghiệp, tài chính, dân cư...) và ban hành quy định chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan để đảm bảo rằng các thông tin, giấy tờ mà doanh nghiệp đã cung cấp một lần cho một cơ quan nhà nước phải được lưu trữ và dùng chung cho thủ tục tại cơ quan khác. Tiếp tục đơn giản hóa, số hóa thủ tục nội bộ trong cơ quan hành chính để rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và tận dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), chuỗi khối (Blockchain) để tối ưu quy trình xử lý văn bản, nâng cao độ chính xác và tiết kiệm nguồn lực. Đồng thời, cần đẩy mạnh tuyên truyền và hướng dẫn doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Do vậy, đầu tư cho an ninh mạng và ban hành khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân là việc cấp thiết song song với chuyển đổi số chính phủ.

Thứ sáu, nâng cao hiệu quả công tác theo dõi, đánh giá cải cách hành chính, gắn kết quả cải

cách với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể. Chính phủ cần sử dụng kết quả đánh giá các chỉ số như PAR Index, PCI, PAPI, SIPAS vào điều hành. Chẳng hạn, tỉnh nào PCI thấp cần có ngay kế hoạch cải thiện, học tập kinh nghiệm tỉnh cao; nếu năm sau không tiến bộ thì cần xem xét trách nhiệm lãnh đạo tỉnh. Tương tự, PAR Index của bộ ngành nào thấp liên tiếp thì người đứng đầu phải giải trình trước Chính phủ, xếp hạng cải cách của từng bộ, tỉnh nên được công khai định kỳ trên Cổng tin Chính phủ và các phương tiện truyền thông để người dân, doanh nghiệp biết và gây áp lực thay đổi vì dư luận chính là kênh giám sát hữu hiệu. Ngoài ra, có thể thuê các tổ chức quốc tế độc lập, uy tín cao như OECD, WB,... đánh giá một số khía cạnh cải cách theo tiêu chuẩn toàn cầu, nhằm có góc nhìn khách quan và học hỏi thông lệ tốt trong CCHC của các nước.

Cuối cùng, CCHC chỉ có ý nghĩa thực sự khi nó gắn với kết quả phát triển kinh tế xã hội cụ thể. Do đó, Chính phủ cần đặt ra các mục tiêu cần đạt được sau một giai đoạn CCHC (5 năm hoặc 10 năm) như tăng thứ hạng năng lực cạnh tranh (GCI) của Việt Nam, mức độ thu hút FDI, số lượng doanh nghiệp thành lập mới... và có biện pháp xử lý đối với cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm trong trường hợp không đạt chỉ tiêu nhưng không có lý do chính đáng. Những chỉ số đó vừa là động lực vừa là áp lực để bộ máy hành chính không ngừng đổi mới, sáng tạo.

5. Kết luận

CCHC và thu hút đầu tư, phát triển kinh tế có mối quan hệ biện chứng, tương hỗ lẫn nhau. Thực tiễn ở Việt Nam thời gian qua cho thấy cải cách càng mạnh thì động lực tăng trưởng càng cao và ngược lại, yêu cầu phát triển kinh tế luôn thôi thúc những bước cải cách sâu rộng hơn. Trong bối cảnh đất nước đang hướng tới những mục tiêu phát triển đầy tham vọng: đến 2030 là nước có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến 2045 là nước phát triển, thu nhập cao, nhiệm vụ cải cách triệt để các nội dung của nền hành chính nhà nước lại càng cấp thiết và

quan trọng. Với quyết tâm chính trị của Đảng, sự nỗ lực của Chính phủ và cả hệ thống bộ máy nhà nước, cùng sự đồng hành của cộng đồng doanh nghiệp và người dân, công cuộc CCHC chắc chắn sẽ tiếp tục đạt được nhiều thành tựu, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch hơn; qua đó huy động tối đa mọi nguồn lực cho phát triển. Tuy nhiên, để giữ gìn và phát huy những thành quả đạt được, CCHC phải được tiến hành thường xuyên, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước phải luôn được rà soát, đánh giá để bảo đảm rằng công cuộc cải cách đang đi đúng hướng và thúc đẩy nền kinh tế - xã hội phát triển theo hướng hiện đại và văn minh.

Tài liệu tham khảo

- [1] P. T. T. Trà, Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, Tạp chí Cộng sản Online tại https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hnp4dK31Gf/content/tiep-tuc-day-manh-cai-cach-hanh-chinh-nha-nuoc-dap-ung-yeu-cau-xay-dung-nen-hanh-chinh-dan-chu-chuyen-nghiep-hien-dai-hieu-luc-hieu-qua (accessed on: May 10th, 2025).
- [2] L. Hùng, Những thành tựu của cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh năm 2024, Tạp chí Luật sư Việt Nam Online, tại <https://lsvn.vn/nhung-thanh-tuu-cua-cai-cach-thu-tuc-hanh-chinh-trong-linh-vuc-dau-tu-kinh-doanh-nam-2024-a153130.html> (accessed on: May 10th, 2025).
- [3] WB Vietnam, How can Vietnam Improve Business Regulations and Spur Productivity Growth?, 2025, <https://blogs.worldbank.org/en/psd/how-can-vietnam-improve-business-regulations-and-spur-productivity#> (accessed on: May 10th, 2025).
- [4] T. K, Chiến lược thu hút FDI, nâng vị thế Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu, Tạp chí điện tử VNEconomy, tại <https://vneconomy.vn/chien-luoc-thu-hut-fdi-nang-vi-the-viet-nam-trong-chuoi-gia-tri-toan-cau.html> (accessed on: May 10th, 2025).
- [5] D. C. North, Institutions, Institutional Change and Economic Performance. 2012: Cambridge University Press.
- [6] WB Vietnam & AusAid, Việt Nam 2045 đột phá Thể chế cho một Tương lai Thu nhập cao, tr. 1 - 7, 33 - 50.
- [7] EWF, Global Talent Competitiveness Index 2023, https://www3.weforum.org/docs/WEF_Annual_Report_2023_2024.pdf (accessed on: May 10th, 2025).
- [8] WB, Which Comes First: Good Governance or Economic Growth? (Spoiler: it's neither), 2017. <https://blogs.worldbank.org/en/governance/which-comes-first-good-governance-or-economic-growth-spoiler-it-s-neither> (accessed on: May 10th, 2025).
- [9] Mirs et al, Relationship Between Good Governance and Economic Growth: A Contribution to the Institutional Debate About State Failure in Developing Countries, CEPN Working Papers 2017-12, Centre d'Economie de l'Université de Paris Nord.
- [10] K. McLaughlin, et al, Edited book. New Public Management: Current Trends and Future Prospects. New York: Routledge, pp. 22-53, 2002.
- [11] VCCI, Bảng xếp hạng PCI tại <https://pcivietnam.vn/bang-xep-hang>. 2024.
- [12] VCCI, Báo cáo dòng chảy pháp luật kinh doanh 2024 <https://vcci.com.vn/publications/bao-cau-dong-chay-phap-luat-kinh-doanh-2024> (accessed on: May 10th, 2025).
- [13] T. Thanh, T. Ha, Unfairness Still a Feature of Vietnam Business Environment: Expert, 2023, <https://theinvestor.vn/unfairness-still-a-feature-of-vietnam-business-environment-expert-d12813.html> (accessed on: May 10th, 2025).
- [14] V. Sự, Mời gọi đầu tư, nhưng "trên rài thăm, dưới rài đình", 2018, <https://tuoitre.vn/moi-goi-dau-tu-nhung-tren-rai-tham-duoi-rai-dinh-1077286.htm> (accessed on: May 10th, 2025).
- [15] T. T. H. Minh., Mối quan hệ trong cải thiện PCI, PAR index, PAPI, SIPAS với đạo đức công vụ tại tỉnh Quảng Trị, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 34, tháng 12/2023, <https://kinhtevadubao.vn/moi-quan-he-trong-cai-thien-pci-par-index-papi-sipas-voi-dao-duc-cong-vu-tai-tinh-quang-tri-29429.html#> (accessed on: May 10th, 2025).
- [16] N. T. T. Mai, Overview of Vietnam's Business Environment, <https://www.kiep.go.kr/aif/issueFileDownload.es?brdctsNo=344722&brdctsFileNo=84280> (accessed on: May 10th, 2025).
- [17] EuroCham Vietnam, EuroCham Vietnam Business Confidence Index Q1 2025 - A Snapshot in Time: Confidence Before the Storm, 2025, <https://eurochamvn.org/vi/eurocham-vietnam-business-confidence-index-q1-2025a-snapshot-in-time-confidence-before-the-storm/> (accessed on: May 10th, 2025).
- [18] VPCP, Nghị quyết 68/NQ-CP: Chương trình cải cách mạnh mẽ của Chính phủ, <https://vpcp.chinhphu.vn/nghi-quyet-68-nq-cp-chuong-trinh-cai-cach-manh-me-cua-chinh-phu-11524753.htm#> (accessed on: May 10th, 2025).

- [19] TTXVN, Cải cách thủ tục hành chính góp phần thu hút đầu tư, <https://chinh sach cuoc song.vn/aiet.vn/cai-cach-thu-tuc-hanh-chinh-gop-phan-thu-hut-dau-tu/36165.html#> (accessed on: May 10th, 2025).
- [20] T. Khang, Chiến lược thu hút FDI, nâng vị thế Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu, Tạp chí điện tử VNEconomy, Chiến lược thu hút FDI, <https://vneconomy.vn/chien-luoc-thu-hut-fdi-nang-vi-the-viet-nam-trong-chuoi-gia-tri-toan-cau.htm> (accessed on: May 10th, 2025).
- [21] H. T. T. Giang, Mối quan hệ giữa chỉ số cạnh tranh cấp tỉnh và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các địa phương Việt Nam, Tạp chí Kinh tế - Luật và Ngân hàng, <https://vjol.info.vn/index.php/HVNH-KHDAOTAONH/article/view/58187> (accessed on: May 10th, 2025).
- [22] Chính phủ, Chính phủ thông qua hồ sơ đề án sắp xếp cấp tỉnh, cấp xã tại: <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/chinh-phu-thong-qua-35-ho-so-de-an-sap-xep-cap-tinh-cap-xa-119250510213207534.htm>. 2025.
- [23] V. Tuấn, Bộ Chính trị yêu cầu sớm chỉ trả chế độ cho người nghỉ việc do sắp xếp bộ máy, tại <https://vnexpress.net/bo-chinh-tri-yeu-cau-som-chi-tra-che-do-cho-nguoi-nghi-viec-do-sap-xep-bo-may-4887826.html> (accessed on: May 10th, 2025).
- [24] VCCI, Bảng xếp hạng PCI 2021, <https://pcivietnam.vn/bang-xep-hang> (accessed on: May 10th, 2025).
- [25] T. Hưng, Tỷ lệ nợ công giảm mạnh trong giai đoạn 2016-2020, <https://nhandan.vn/ty-le-no-cong-giam-manh-trong-giai-doan-2016-2020-post698394.html> (accessed on: May 10th, 2025).
- [26] L. V. Cương, Thực trạng quản lý nợ công giai đoạn 2016-2020 và định hướng giải pháp cho giai đoạn mới, Tạp chí Tài chính online, <https://tapchitaichinh.vn/thuc-trang-quan-ly-no-cong-giai-doan-2016-2020-va-dinh-huong-giai-phap-cho-giai-doan-moi.html> (accessed on: May 10th, 2025).
- [27] P. Khang, Sắp xếp, cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, Tạp chí Kiểm toán tại <http://baokiemtoan.vn/sap-xep-co-cau-lai-doanh-nghiep-nha-nuoc-dam-bao-tinh-gon-hieu-qua-36266.html> (accessed on: May 10th, 2025).
- [28] Vietnam Briefing, Vietnam's Improving Business Environment Amid Pandemic: Provincial, 2020, Competitive Index 2020 <https://www.vietnam-briefing.com/news/vietnams-improving-business-environment-amid-pandemic-provincial-competitive-index-2020.html> (accessed on: May 10th, 2025).
- [29] Chính phủ, Thông qua Nghị quyết của Quốc hội về giảm Thuế giá trị gia tăng, <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/thong-qua-nghi-quyet-cua-quoc-hoi-ve-giam-thue-gia-tri-gia-tang-119250617102022144.htm> (accessed on: May 10th, 2025).
- [30] L. D. Vượng, N. T. Sự., Chính phủ số và giải pháp xây dựng Chính phủ số ở Việt Nam hiện nay, Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động, <https://tcnn.vn/news/detail/66343/Chinh-phu-so-va-giai-phap-xay-dung-Chinh-phu-so-o-Viet-Nam-hien-nay.html> (accessed on: May 10th, 2025).
- [31] H. T. K. Chi, Thực trạng và giải pháp xây dựng chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số ở Việt Nam, Tạp chí Tổ chức nhà nước và Lao động, <https://tcnn.vn/news/detail/62700/Thuc-trang-va-giai-phap-xay-dung-chinh-phu-dien-tu-huong-toi-chinh-phu-so-o-Viet-Nam.html> (accessed on: May 10th, 2025).
- [32] Y. Nhung, PCI 2024: 9 xu hướng điều hành kinh tế cấp tỉnh, Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp, 2024, <https://diendandoanh nghiep.vn/pci-2024-9-xu-huong-dieu-hanh-kinh-te-cap-tinh-10154036.html> (accessed on: May 10th, 2025).
- [33] Vietnam Law & Legal Forum, Nation Announces A General Program on State Administrative Reform Through 2030, Vietnam Law & Legal Forum, <https://vietnamlawmagazine.vn/nation-announces-a-general-program-on-state-administrative-reform-through-2030-37857.html> (accessed on May 10th, 2025).
- [34] L. Hòa, Chi phí tuân thủ pháp luật, Tạp chí Kiểm toán, <http://baokiemtoan.vn/chi-phi-tuan-thu-phap-luat-30766.html> (accessed on: May 10th, 2025).
- [35] H. Nha, Tồn tại trong cải cách hành chính khiến người dân phiền lòng, Báo Lao động <https://laodong.vn/thoi-su/ton-tai-trong-cai-cach-hanh-chinh-khien-nguoi-dan-phien-long-1450533.laod> (accessed on: May 10th, 2025).
- [36] B. V. Nguyễn, Cải cách hành chính ở nước ta - Thực trạng và một số đề xuất, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, <https://danchuphapluat.vn/cai-cach-hanh-chinh-o-nuoc-ta-thuc-trang-va-mot-so-de-xuat-3048.html> (accessed on: May 10th, 2025).